



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Kinh doanh số**

0302017440

ngày 31 tháng 5 năm 2000

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần gần đây nhất là vào ngày 2 tháng 8 năm 2017. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Trương Công Thắng

Chủ tịch
(từ ngày 23 tháng 6 năm 2017)

Ông Nguyễn Đăng Quang

Thành viên
(từ ngày 23 tháng 6 năm 2017)

Ông Hồ Hùng Anh
Bà Nguyễn Hoàng Yến
Ông Nguyễn Thiệu Quang
Ông Seokhee Won

Chủ tịch
(đến ngày 23 tháng 6 năm 2017)
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
(đến ngày 27 tháng 2 năm 2018)

Ban Giám đốc

Ông Trương Công Thắng

Tổng Giám đốc
(từ ngày 28 tháng 2 năm 2018)

Ông Seokhee Won

Tổng Giám đốc
(đến ngày 27 tháng 2 năm 2018)

Bà Nguyễn Hoàng Yến
Ông Phạm Hồng Sơn
Ông Phạm Đình Toại
Ông Nguyễn Anh Nguyên
Bà Đinh Kim Nhung
Ông Lê Trung Thành

Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
(đến ngày 15 tháng 2 năm 2017)

Trụ sở đăng ký

Tầng 12, Tòa nhà MPlaza Saigon
39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 42 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Trương Công Thắng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 3 năm 2018



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 7 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 42.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 17-01-406(a)



Hà Vũ Định

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0414-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Chong Kwang Puay

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0864-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 3 năm 2018

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		3.339.470.305.579	10.349.274.001.384
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	677.000.209.110	4.696.551.755.028
Tiền	111		9.100.209.110	20.951.755.028
Các khoản tương đương tiền	112		667.900.000.000	4.675.600.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.175.720.000	1.279.948.841.175
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	4.175.720.000	1.279.948.841.175
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.499.118.637.158	4.283.852.563.033
Phải thu của khách hàng	131	6	399.624.323.346	333.636.196.490
Trả trước cho người bán	132		49.900.293.622	6.589.975.715
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	-	1.663.716.876.592
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	2.049.594.020.190	2.279.909.514.236
Hàng tồn kho	140	9	152.755.900.467	79.445.760.231
Hàng tồn kho	141		152.868.576.847	79.725.053.827
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(112.676.380)	(279.293.596)
Tài sản ngắn hạn khác	150		6.419.838.844	9.475.081.917
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		6.419.838.844	9.475.081.917

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		11.666.944.521.078	5.087.719.815.800
Các khoản phải thu dài hạn	210		5.766.298.135.597	20.667.561.158
Phải thu về cho vay dài hạn	215	7	5.430.716.876.592	-
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	335.581.259.005	20.667.561.158
Tài sản cố định	220		230.800.048.905	277.006.087.390
Tài sản cố định hữu hình	221	10	45.445.819.566	59.257.935.176
Nguyên giá	222		97.363.398.884	98.550.132.221
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(51.917.579.318)	(39.292.197.045)
Tài sản cố định vô hình	227	11	185.354.229.339	217.748.152.214
Nguyên giá	228		276.228.537.827	275.063.053.160
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(90.874.308.488)	(57.314.900.946)
Tài sản dở dang dài hạn	240		3.246.249.258	4.413.036.077
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	3.246.249.258	4.413.036.077
Đầu tư tài chính dài hạn	250		5.551.271.509.348	4.665.771.509.348
Đầu tư vào các công ty con	251	5(b)	5.551.271.509.348	4.665.771.509.348
Tài sản dài hạn khác	260		115.328.577.970	119.861.621.827
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	9.035.644.733	12.445.534.013
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	106.292.933.237	107.416.087.814
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		15.006.414.826.657	15.436.993.817.184

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		3.029.487.280.688	4.246.769.360.739
Nợ ngắn hạn	310		3.029.487.280.688	4.246.769.360.739
Phải trả người bán	311	15	391.581.362.507	1.671.575.048.391
Người mua trả tiền trước	312		15.924.045.598	9.751.691.244
Thuế phải nộp Nhà nước	313	16	106.186.633.805	107.811.056.859
Chi phí phải trả	315	17	576.395.617.148	581.410.189.142
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	19.867.595.264	16.908.965.636
Vay ngắn hạn	320	19	1.919.532.026.366	1.859.312.409.467
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		11.976.927.545.969	11.190.224.456.445
Vốn chủ sở hữu	410	20	11.976.927.545.969	11.190.224.456.445
Vốn cổ phần	411	21	5.431.327.770.000	5.381.601.170.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		5.431.327.770.000	5.381.601.170.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	21	5.088.056.394.992	5.088.056.394.992
Cổ phiếu quỹ	415	21	(1.640.252.631.255)	(1.640.252.631.255)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.097.796.012.232	2.360.819.522.708
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		20.098.996.208	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		3.077.697.016.024	2.360.819.522.708
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		15.006.414.826.657	15.436.993.817.184

Ngày 7 tháng 3 năm 2018


Người lập:


Huỳnh Việt Thăng
Kế toán Trưởng

Người duyệt:


Phạm Đình Toại
Quyền Giám đốc Tài chính


Trương Công Thắng
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Doanh thu bán hàng	01	24	9.521.084.183.896	10.032.147.674.239
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	68.677.135.504	48.158.301.706
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	24	9.452.407.048.392	9.983.989.372.533
Giá vốn hàng bán	11	25	7.062.076.162.048	7.903.907.443.330
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		2.390.330.886.344	2.080.081.929.203
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	3.170.470.210.374	2.892.135.160.332
Chi phí tài chính	22	27	69.160.221.799	62.410.130.203
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		68.888.085.335	61.931.658.334
Chi phí bán hàng	25	28	2.060.648.420.988	1.915.086.900.586
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	263.326.500.032	371.593.863.165
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		3.167.665.953.899	2.623.126.195.581
Thu nhập khác	31		365.472.425	494.671.696
Chi phí khác	32		379.234.949	1.756.466.149
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(13.762.524)	(1.261.794.453)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		3.167.652.191.375	2.621.864.401.128
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	88.832.020.774	47.099.875.223
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	31	1.123.154.577	(23.653.346.445)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		3.077.697.016.024	2.598.417.872.350

Ngày 7 tháng 3 năm 2018


Người lập:


Huỳnh Việt Thăng
Kế toán Trưởng

Người duyệt:


Phạm Đình Toại
Quyền Giám đốc Tài chính


Trương Công Thắng
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2017 VND	2016 VND
LIU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	3.167.652.191.375	2.621.864.401.128
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	47.596.534.352	45.464.450.213
Các khoản dự phòng	03	2.895.285.836	9.503.958.579
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	45.502.462	26.357.930
(Lãi)/lỗ từ thanh lý tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang	05	(250.000.000)	1.726.020.769
Thu nhập lãi, lợi nhuận phân phối và thu nhập khác từ các hoạt động đầu tư	05	(3.170.037.390.868)	(2.891.333.787.157)
Chi phí lãi vay	06	68.888.085.335	61.931.658.334
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	116.790.208.492	(150.816.940.204)
Biến động các khoản phải thu và các tài sản ngắn hạn khác	09	(108.311.200.136)	(89.575.534.425)
Biến động hàng tồn kho	10	(76.205.426.072)	(14.532.541.650)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(1.285.205.081.531)	120.547.947.949
Biến động chi phí trả trước	12	10.782.450.430	772.568.899
		(1.342.149.048.817)	(133.604.499.431)
Tiền lãi vay đã trả	14	(66.223.562.694)	(61.342.661.027)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(83.221.652.715)	(66.057.681.306)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	(1.491.594.264.226)	(261.004.841.764)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(4.866.048.925)	(31.962.539.433)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang	22	250.000.000	2.994.089.006
Tiền chi cho vay	23	(4.954.405.000.000)	(3.559.078.712.592)
Tiền thu hồi các khoản cho vay	24	-	6.735.714.068.000
Gửi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23	(746.193.720.000)	(27.675.348.841.175)
Rút tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24	2.021.966.841.175	26.395.400.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các công ty con	25	(885.500.000.000)	(976.471.500.000)
Tiền thu lãi và lợi nhuận được phân phối	27	3.084.663.803.930	2.687.221.202.240
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	(1.484.084.123.820)	3.578.467.766.046
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	49.726.600.000	30.000.000.000
Tiền thu từ các khoản vay ngân hàng	33	4.436.888.255.174	5.453.343.599.258
Tiền trả nợ gốc vay cho ngân hàng	34	(4.376.668.638.275)	(4.547.471.968.364)
Tiền chi trả cổ tức	36	(1.153.819.442.500)	(1.005.186.769.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	(1.043.873.225.601)	(69.315.138.306)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(4.019.551.613.647)	3.248.147.785.976
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	4.696.551.755.028	1.448.427.905.127
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	67.729	(23.936.075)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	70	677.000.209.110	4.696.551.755.028

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH

	2017 VND	2016 VND
Cần trừ cổ tức phải trả với các khoản cho vay phải thu từ các bên liên quan	1.187.405.000.000	1.889.261.836.000

Ngày 7 tháng 3 năm 2018


Người lập: 


Huỳnh Việt Thăng
Kế toán Trưởng


Phạm Đình Toại
Quyền Giám đốc Tài chính

Người duyệt:




Trương Công Thắng
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Các hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là mua bán thực phẩm; mua bán đồ uống không cồn và nước khoáng; tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại và hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0302017440 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (“SKHĐT”) cấp ngày 31 tháng 5 năm 2000 và các giấy chứng nhận điều chỉnh.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 1.080 nhân viên (1/1/2017: 1.192 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty lập và phát hành riêng báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2017.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và đơn vị tiền tệ trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

(e) Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được mang sang từ số liệu đã kiểm toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Các khoản đầu tư vào các công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi công ty con phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Giám đốc Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi công ty con sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	4 – 6 năm
▪ nâng cấp tài sản thuê	3 – 5 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 8 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 7 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 7 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng từ 4 đến 10 năm.

(ii) Thương hiệu

Giá mua thương hiệu được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(i) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của các tài sản này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn chủ sở hữu

(i) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận là khoản giảm trừ thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phiếu phổ thông đã phát hành được mua lại, khoản tiền đã trả để mua lại bao gồm chi phí liên quan trực tiếp, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận như một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ thuộc vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra cho mục đích tái phát hành, giá vốn của cổ phiếu tái phát hành được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa khoản tiền nhận được và giá vốn của cổ phiếu tái phát hành được ghi nhận trong thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ riêng của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(o) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ các khoản cho vay, lợi nhuận được phân phối từ các công ty con và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Lợi nhuận được phân phối từ các công ty con được ghi nhận khi quyền nhận lợi nhuận được phân phối từ các công ty con được xác lập. Lợi nhuận được phân phối liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí đi vay và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái. Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hoá và ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Các bên liên quan

Các bên được xem là liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ, công ty mẹ cấp cao, các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tiền mặt	77.070.074	70.049.263
Tiền gửi ngân hàng	9.023.139.036	20.881.705.765
Các khoản tương đương tiền	667.900.000.000	4.675.600.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	677.000.209.110	4.696.551.755.028

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày giao dịch.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	4.175.720.000	1.279.948.841.175

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn còn lại không quá mười hai tháng kể từ ngày lập báo cáo.

(b) Đầu tư vào các công ty con

	31/12/2017		1/1/2017	
	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND
Đầu tư vào các công ty con:				
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan (*)	100%	2.103.500.009.348	100%	1.906.000.009.348
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage (**)	100%	3.383.000.000.000	100%	2.695.000.000.000
▪ Masan Consumer (Thailand) Limited (***)	99,99%	64.771.500.000	99,99%	64.771.500.000
		5.551.271.509.348		4.665.771.509.348

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư góp vốn này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Không có khoản dự phòng giảm giá nào cho các khoản đầu tư vào các công ty con được trích lập trên báo cáo tài chính riêng cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và 2016.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan có 8 công ty con, bao gồm Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan (“MSI”), Công ty TNHH Một Thành viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến (“VTF”), Công ty Cổ phần Ma San PQ (“MPQ”), Công ty TNHH Một Thành viên Masan HD (“MHD”), Công ty TNHH Một Thành viên Masan MB (“MMB”), Công ty TNHH Một Thành viên Masan HG (“MHG”), Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Sài Gòn (“SNF”), và Công ty TNHH Một Thành viên Nam Ngư Phú Quốc (“NPQ”). Các công ty con này, ngoại trừ MHG, là các công ty sản xuất và phân phối sản phẩm ra thị trường thông qua Công ty. MHG được thành lập trong năm 2015 và tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng này, công ty này vẫn chưa đi vào hoạt động. Xem thêm Thuyết minh 32 trình bày về các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các công ty con này.
- (**) Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage có 5 công ty con, bao gồm Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa (“VCF”), Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại CDN (“CDN”), Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hào (“VHC”), Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha và Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh (“QNW”). VCF, VHC và QNW là các công ty sản xuất đồ uống và phân phối sản phẩm trực tiếp ra thị trường. CDN là công ty sản xuất đồ uống và phân phối sản phẩm ra thị trường thông qua VCF. Xem thêm Thuyết minh 32 trình bày về các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các công ty con này.
- (***) Masan Consumer (Thailand) Limited (“MTH”) được thành lập trong năm 2016.

MTH được thành lập tại Thái Lan. Các công ty con khác được thành lập tại Việt Nam.

Công ty TNHH Một Thành viên Masan ĐN (“MDN”) là một công ty con sở hữu toàn bộ của Công ty và được thành lập vào ngày 12 tháng 9 năm 2014 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0401622417 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp. Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 07/2017/NQ-HĐQT ngày 28 tháng 4 năm 2017 đã thông qua và chấp thuận việc giải thể MDN. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng này, Công ty vẫn chưa góp vốn vào và quá trình giải thể MDN đã được hoàn tất.

Biến động trong năm của các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

	2017	2016
	VND	VND
Số dư đầu năm	4.665.771.509.348	4.665.771.509.348
Tăng trong năm	885.500.000.000	-
Số dư cuối năm	5.551.271.509.348	4.665.771.509.348

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu của khách hàng

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Các bên liên quan		
▪ Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa	91.698.614.861	111.638.116.313
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan	78.686.317.617	-
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery Distribution	46.477.916.828	31.752.716.796
▪ Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế	22.576.228.130	-
▪ Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc	20.198.243.738	-
▪ Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo	19.654.007.992	40.873.126.994
▪ Masan Consumer (Thailand) Limited	18.163.278.771	-
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery HG	1.906.695.091	3.833.035.010
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Nam Ngư Phú Quốc	208.000.020	666.575.479
▪ Công ty Cổ phần Ma San PQ	-	1.510.898.062
▪ Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại CDN	-	2.082.020
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery PY	-	5.644.586

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi từ 30 – 180 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

7. Phải thu về cho vay

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Các khoản cho vay phải thu từ một công ty con		
▪ Ngắn hạn	-	1.663.716.876.592
▪ Dài hạn	5.430.716.876.592	-

Các khoản phải thu về cho vay dài hạn không có bảo đảm và hưởng lãi suất năm là 6,5% tại ngày 31 tháng 12 năm 2017. Các khoản vay này sẽ đến hạn sau 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi cho vay sẽ được thu vào ngày đến hạn của các khoản vay.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Khoản phải thu phi thương mại từ các bên liên quan:		
▪ Lợi nhuận được phân phối phải thu	2.027.777.099.313	2.143.460.848.545
▪ Lãi dự thu (*)	-	114.905.802.559
Lãi dự thu từ tiền gửi ngân hàng	1.879.747.645	19.461.623.060
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	17.736.998.330	468.100.000
Phải thu khác	2.200.174.902	1.613.140.072
	2.049.594.020.190	2.279.909.514.236

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Lãi dự thu (*)	333.545.014.144	-
Ký quỹ, ký cược dài hạn	2.036.244.861	20.667.561.158
	335.581.259.005	20.667.561.158

(*) Đây là các khoản thu nhập tiền lãi phải thu từ các khoản cho một bên liên quan vay. Xem thêm Thuyết minh 7 và 32 để biết thêm thông tin.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Hàng tồn kho

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	5.542.163.766	-	3.237.879.500	-
Nguyên vật liệu	22.587.397.115	-	9.974.429.552	-
Công cụ và dụng cụ	-	-	55.000.000	-
Thành phẩm	1.124.900.926	-	24.604.198	-
Hàng hóa	123.614.115.040	(112.676.380)	66.433.140.577	(279.293.596)
	152.868.576.847	(112.676.380)	79.725.053.827	(279.293.596)

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	279.293.596	-
Tăng dự phòng trong năm	3.174.579.430	9.503.958.579
Sử dụng dự phòng trong năm	(3.061.903.052)	(9.224.664.983)
Hoàn nhập dự phòng	(279.293.594)	-
Số dư cuối năm	112.676.380	279.293.596

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có 113 triệu VND (1/1/2017: 279 triệu VND) hàng tồn kho chậm luân chuyển.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Nâng cấp tài sản thuê VND	Thiết bị văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	1.511.680.743	55.688.424.678	21.374.775.898	3.678.969.980	16.296.280.922	98.550.132.221
Tăng trong năm	-	-	36.500.000	112.690.000	75.821.200	225.011.200
Thanh lý	-	-	(219.122.727)	-	(1.192.621.810)	(1.411.744.537)
Số dư cuối năm	1.511.680.743	55.688.424.678	21.192.153.171	3.791.659.980	15.179.480.312	97.363.398.884
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	1.511.680.743	12.381.560.233	9.552.770.735	2.607.259.863	13.238.925.471	39.292.197.045
Khấu hao trong năm	-	10.451.709.067	1.958.675.329	479.782.922	1.146.959.492	14.037.126.810
Thanh lý	-	-	(219.122.727)	-	(1.192.621.810)	(1.411.744.537)
Số dư cuối năm	1.511.680.743	22.833.269.300	11.292.323.337	3.087.042.785	13.193.263.153	51.917.579.318
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	-	43.306.864.445	11.822.005.163	1.071.710.117	3.057.355.451	59.257.935.176
Số dư cuối năm	-	32.855.155.378	9.899.829.834	704.617.195	1.986.217.159	45.445.819.566

Trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 21.886 triệu VND, đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 18.599 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND	Thương hiệu VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	274.426.689.524	636.363.636	275.063.053.160
Tăng trong năm	1.069.892.667	-	1.069.892.667
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	95.592.000	-	95.592.000
Số dư cuối năm	275.592.174.191	636.363.636	276.228.537.827
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	56.678.537.310	636.363.636	57.314.900.946
Khấu hao trong năm	33.559.407.542	-	33.559.407.542
Số dư cuối năm	90.237.944.852	636.363.636	90.874.308.488
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	217.748.152.214	-	217.748.152.214
Số dư cuối năm	185.354.229.339	-	185.354.229.339

Trong nguyên giá tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 11.019 triệu VND, đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 10.447 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	VND
Số dư đầu năm	4.413.036.077
Tăng trong năm	3.246.123.258
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(95.592.000)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(4.317.318.077)
Số dư cuối năm	3.246.249.258

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***13. Chi phí trả trước dài hạn**

	Công cụ và dụng cụ VND
Số dư đầu năm	12.445.534.013
Tăng trong năm	1.094.535.967
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	4.317.318.077
Phân bổ trong năm	(8.805.993.324)
Thanh lý	(15.750.000)
	<hr/>
Số dư cuối năm	9.035.644.733

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận**

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	84.881.905.159	78.654.098.879
Chi phí kho vận	9.952.764.794	14.294.842.087
Chiết khấu thương mại	1.602.216.674	2.985.486.550
Chi phí khác	9.856.046.610	11.481.660.298
	<hr/>	<hr/>
	106.292.933.237	107.416.087.814

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	391.581.362.507	391.581.362.507	1.671.575.048.391	1.671.575.048.391

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Các bên liên quan		
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến	178.743.996.256	293.403.208.653
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan	-	268.490.649.315
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Masan HD	103.660.354.580	32.291.494.140
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Masan MB	19.950.867.204	978.486.498.095
▪ Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Sài Gòn	9.636.224.394	4.014.833.237

Các khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

16. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2017 VND	Phát sinh VND	Nộp VND	Khấu trừ VND	31/12/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	57.164.701.911	962.983.771.191	(77.059.628.042)	(892.585.062.279)	50.503.782.781
Thuế thu nhập doanh nghiệp	48.305.568.458	88.832.020.774	(83.221.652.715)	-	53.915.936.517
Thuế thu nhập cá nhân	2.340.786.490	36.791.426.008	(35.949.349.645)	(1.415.948.346)	1.766.914.507
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	107.811.056.859	1.088.607.217.973	(196.230.630.402)	(894.001.010.625)	106.186.633.805

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Chi phí phải trả

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	424.409.525.794	393.270.494.395
Chi phí kho vận	49.763.823.968	71.474.210.434
Chi phí trung bày	11.203.662.963	18.186.085.801
Thưởng và lương tháng 13	39.862.208.085	40.714.735.246
Chiết khấu thương mại	8.011.083.372	14.927.432.751
Chi phí nghiên cứu thị trường	15.279.254.584	11.150.495.547
Chi phí lãi vay	4.098.129.639	1.433.606.998
Chi phí công nghệ thông tin	14.910.270.008	17.931.285.060
Mua hàng chưa nhận hóa đơn	970.613.231	2.085.688.819
Chi phí khác	7.887.045.504	10.236.154.091
	<hr/>	<hr/>
	576.395.617.148	581.410.189.142
	<hr/>	<hr/>

18. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	12.555.998.725	9.226.945.025
Phải trả khác	7.311.596.539	7.682.020.611
	<hr/>	<hr/>
	19.867.595.264	16.908.965.636
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***19. Vay ngắn hạn**

	1/1/2017		Biến động trong năm		31/12/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	1.859.312.409.467	1.859.312.409.467	4.436.888.255.174	(4.376.668.638.275)	1.919.532.026.366	1.919.532.026.366

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Vay ngắn hạn				
▪ Khoản vay ngân hàng không có đảm bảo	VND	3,42% - 5,50%	1.919.532.026.366	1.859.312.409.467

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	5.351.601.170.000	5.088.056.394.992	(1.640.252.631.255)	2.658.498.305.558	11.457.903.239.295
Phát hành cổ phiếu (Thuyết minh 21)	30.000.000.000	-	-	-	30.000.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	2.598.417.872.350	2.598.417.872.350
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	(2.896.096.655.200)	(2.896.096.655.200)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	5.381.601.170.000	5.088.056.394.992	(1.640.252.631.255)	2.360.819.522.708	11.190.224.456.445
Phát hành cổ phiếu (Thuyết minh 21)	49.726.600.000	-	-	-	49.726.600.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	3.077.697.016.024	3.077.697.016.024
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	(2.340.720.526.500)	(2.340.720.526.500)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	5.431.327.770.000	5.088.056.394.992	(1.640.252.631.255)	3.097.796.012.232	11.976.927.545.969

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Vốn cổ phần, thặng dư vốn cổ phần và cổ phiếu quỹ

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2017		1/1/2017	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	543.132.777	5.431.327.770.000	538.160.117	5.381.601.170.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	1.640.252.631.255	18.000.000	1.640.252.631.255
Vốn cổ phần hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	525.132.777	5.251.327.770.000	520.160.117	5.201.601.170.000
Thặng dư vốn cổ phần		5.088.056.394.992		5.088.056.394.992

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của các cổ phiếu được phát hành.

Biến động trong năm của vốn cổ phần hiện đang lưu hành như sau:

	2017		2016	
	Số lượng cổ phiếu	Mệnh giá VND	Số lượng cổ phiếu	Mệnh giá VND
Số dư đầu năm - hiện đang lưu hành	520.160.117	5.201.601.170.000	517.160.117	5.171.601.170.000
Cổ phiếu đã phát hành trong năm	4.972.660	49.726.600.000	3.000.000	30.000.000.000
Số dư cuối năm - hiện đang lưu hành	525.132.777	5.251.327.770.000	520.160.117	5.201.601.170.000

22. Cổ tức

Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông Thường niên của Công ty vào ngày 20 tháng 4 năm 2017 đã quyết định chia cổ tức bằng tiền với số tiền là 2.340.721 triệu VND (2016: 2.896.097 triệu VND).

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***23. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****(a) Cam kết thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	39.077.742.491	96.092.770.180
Trong vòng 2 đến 5 năm	19.240.553.000	90.128.537.429
	<hr/>	<hr/>
	58.318.295.491	186.221.307.609
	<hr/>	<hr/>

(b) Ngoại tệ

	31/12/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	3.971	89.980.821	442.583	10.055.480.535
		<hr/>		<hr/>

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	4.917.650.742	-
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	481.796.200	-
	<hr/>	<hr/>
	5.399.446.942	-
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***24. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2017 VND	2016 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	9.519.200.303.515	10.031.841.281.835
▪ Doanh thu khác	1.883.880.381	306.392.404
	<hr/> 9.521.084.183.896	<hr/> 10.032.147.674.239
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	19.096.167.283	22.348.923.650
▪ Hàng bán bị trả lại	49.580.968.221	25.809.378.056
	<hr/> 68.677.135.504	<hr/> 48.158.301.706
Doanh thu thuần	<hr/> 9.452.407.048.392	<hr/> 9.983.989.372.533

25. Giá vốn hàng bán

	2017 VND	2016 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Hàng đã bán	7.059.180.876.212	7.894.403.484.751
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.895.285.836	9.503.958.579
	<hr/> 7.062.076.162.048	<hr/> 7.903.907.443.330

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	2017 VND	2016 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	116.733.910.032	216.224.504.098
Thu nhập lãi từ khoản cho một bên liên quan vay	218.639.211.585	114.905.802.559
Thu nhập lãi từ các hoạt động đầu tư cho vay khác	-	55.311.896.449
Lợi nhuận phân phối từ các công ty con	2.834.664.269.251	2.504.891.584.051
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	432.819.506	790.433.623
Thu nhập khác	-	10.939.552
	3.170.470.210.374	2.892.135.160.332

27. Chi phí tài chính

	2017 VND	2016 VND
Chi phí lãi vay từ ngân hàng	68.888.085.335	61.931.658.334
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	272.136.464	447.926.819
Chi phí khác	-	30.545.050
	69.160.221.799	62.410.130.203

28. Chi phí bán hàng

	2017 VND	2016 VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	1.466.362.456.468	1.330.092.726.996
Chi phí kho vận	305.023.065.838	371.328.331.254
Chi phí nhân viên	148.539.752.698	137.611.488.460
Chi phí trung bày	71.389.209.714	25.105.153.087
Chi phí nghiên cứu thị trường	33.261.503.699	15.941.574.048
Chi phí khác	36.072.432.571	35.007.626.741
	2.060.648.420.988	1.915.086.900.586

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân viên	100.749.994.956	158.468.646.397
Chi phí thuê hệ thống đường truyền và dịch vụ công nghệ thông tin	43.740.298.881	96.883.509.045
Chi phí thuê văn phòng	49.784.570.659	49.438.971.016
Chi phí nghiên cứu và phát triển	4.162.975.341	14.477.799.758
Chi phí khấu hao tài sản cố định	47.412.079.592	43.821.813.062
Chi phí khác	17.476.580.603	8.503.123.887
	263.326.500.032	371.593.863.165

30. Chi phí thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	2017 VND	2016 VND
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	7.059.180.876.212	7.894.403.484.751
Chi phí nhân viên	249.289.747.654	296.080.134.857
Chi phí khấu hao	47.596.534.352	45.464.450.213
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.973.724.080.600	1.903.268.065.204
Chi phí khác	56.259.844.250	51.372.072.056
	10.396.050.032	10.251.638.734

31. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	2017 VND	2016 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	66.263.203.834	47.099.875.223
Dự phòng thiếu trong những năm trước	22.568.816.940	-
	88.832.020.774	47.099.875.223
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	1.123.154.577	(23.653.346.445)
	89.955.175.351	23.446.528.778

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2017	2016
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế (*)	3.167.652.191.375	2.621.864.401.128
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	633.530.438.275	524.372.880.226
Thu nhập không bị tính thuế	(566.932.853.850)	(500.978.316.810)
Chi phí không được khấu trừ thuế	788.773.986	51.965.362
Dự phòng thiếu trong những năm trước	22.568.816.940	-
	89.955.175.351	23.446.528.778

(*) Lợi nhuận trước thuế của Công ty bao gồm 2.834.664 triệu VND (2016: 2.504.891 triệu VND) khoản lợi nhuận phân phối từ các công ty con không chịu thuế.

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20% từ năm 2016 trở đi.

(d) Các khoản thuế tiềm ẩn

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào việc diễn giải và thay đổi theo thời gian và cũng tùy thuộc vào việc diễn giải khác nhau từ Cục thuế này đến Cục thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc thanh tra của các cơ quan có thẩm quyền khác nhau, mà các cơ quan này được luật cho phép áp đặt các mức phạt thuế và tính lãi phạt chậm trả. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam lớn hơn so với các nước khác. Ban Giám đốc cho rằng họ đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải về luật thuế, bao gồm các yêu cầu về chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những diễn giải khác nhau và ảnh hưởng có thể đáng kể.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Trong năm và tại thời điểm cuối năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu và số dư với các bên liên quan như sau:

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(phải trả) tại ngày	
		2017 VND	2016 VND	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Công ty mẹ					
Công ty TNHH MasanConsumerHoldings	Cổ tức đã phân phối	2.270.686.203.000	2.799.261.836.000	-	-
	Thu hồi khoản cho vay thông qua việc cần trừ với cổ tức phải trả	1.187.405.000.000	1.889.261.836.000	-	-
	Trả cổ tức bằng tiền	1.083.281.203.000	910.000.000.000	-	-
Các công ty con					
Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan	Lợi nhuận được phân phối (**)	1.633.743.185.251	2.504.891.584.051	826.856.015.313	10.925.756.293
	Góp vốn	197.500.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan	Bán hàng hóa	188.296.228.292	216.813.632.511	78.686.317.617	-
	Mua hàng hóa và dịch vụ	3.300.260.145.310	3.806.669.294.926	-	(268.490.649.315)
	Trả trước tiền hàng	14.639.880.515	-	14.639.880.515	-
	Thu hồi khoản cho vay	-	6.100.000.000	-	-
	Cho vay	4.954.405.000.000	3.559.078.712.592	5.430.716.876.592	1.663.716.876.592
	Thu hồi khoản cho vay thông qua việc cần trừ cổ tức phải trả	1.187.405.000.000	1.889.261.836.000	-	-
	Thu nhập lãi cho vay	218.639.211.585	114.905.802.559	333.545.014.144	114.905.802.559
Phân phối lợi nhuận (**)	-	-	-	845.466.699.032	

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(phải trả) tại ngày	
		2017 VND	2016 VND	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến	Mua hàng hóa	542.711.441.650	956.987.322.695	(178.743.996.256)	(293.403.208.653)
	Bán hàng hóa	8.034.292.370	19.777.683.529	-	-
	Phân phối lợi nhuận (**)	-	-	-	209.362.343.040
Công ty TNHH Một Thành viên Masan HD	Bán hàng hóa	14.658.176.371	14.955.550.322	-	-
	Mua hàng hóa	725.417.798.671	935.445.127.484	(103.660.354.580)	(32.291.494.140)
	Bán tài sản cố định	-	41.221.616	-	-
	Phân phối lợi nhuận (**)	-	-	-	83.077.588.453
Công ty Cổ phần Ma San PQ	Bán hàng hóa	2.509.472	3.734.305	-	1.510.898.062
	Bán tài sản cố định	-	16.488.646	-	-
	Mua hàng hóa	1.748.200	7.799.600	-	-
Công ty TNHH Một Thành viên Nam Ngư Phú Quốc	Bán hàng hóa	350.910.756	605.977.708	208.000.020	666.575.479
	Mua hàng hóa	73.413.427.890	-	-	-
	Trả trước tiền hàng	18.531.591.916	-	18.531.591.916	-
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage	Phân phối lợi nhuận (***)	1.200.921.084.000	-	1.200.921.084.000	-
	Góp vốn	688.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa	Bán hàng hóa	50.224.165.565	52.836.007.262	3.870.083.455	6.078.604.247
	Bán tài sản cố định	-	9.743.291	-	-
	Mua hàng hóa	411.007.822	1.163.846.614	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	159.438.082.170	151.605.481.211	87.828.531.406	105.559.512.066

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(phải trả) tại ngày	
		2017 VND	2016 VND	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại CDN	Bán hàng hóa	2.458.106	3.609.821	-	2.082.020
	Mua hàng hóa	25.800.000	623.341.390	-	-
Công ty TNHH Một Thành viên Masan MB	Bán hàng hóa	88.143.951.789	97.569.181.152	-	-
	Bán tài sản cố định	-	199.362.726	-	-
	Mua hàng hóa	2.021.112.842.168	2.394.555.820.788	(19.950.867.204)	(978.486.498.095)
	Phân phối lợi nhuận (**)	-	-	-	994.628.461.727
Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Sài Gòn	Mua hàng hóa	151.166.693.876	14.042.928.191	(9.636.224.394)	(4.014.833.237)
	Bán hàng hóa	1.806.328.808	743.079.942	-	-
Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo	Mua hàng hóa	754.531.022	22.863.369	-	-
	Bán hàng hóa	17.244.889.254	21.437.933.775	-	3.259.383.364
	Phí hỗ trợ quản lý	41.389.312.688	34.194.312.391	19.654.007.992	37.613.743.630
Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh	Bán hàng hóa	64.232.422	47.844.291	-	-
Masan Consumer (Thailand) Limited	Bán hàng hóa	18.163.278.771	-	18.163.278.771	-
Các bên liên quan khác					
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery PY	Bán hàng hóa	15.451.254	30.498.268	-	5.644.586



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(phải trả) tại ngày	
		2017 VND	2016 VND	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery Distribution	Mua hàng hóa	395.205.600	491.267.362	-	-
	Bán hàng hóa	39.831.648	784.580	10.614.490	-
	Phí hỗ trợ quản lý	42.212.820.014	28.990.613.560	46.467.302.338	31.752.716.796
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery HG	Bán hàng hóa	35.465.044	27.771.151	-	6.107.257
	Phí hỗ trợ quản lý	1.733.359.174	3.479.025.230	1.906.695.091	3.826.927.753
Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế	Bán hàng hóa	81.527.481	-	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	22.385.193.556	-	22.576.228.130	-
Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc	Bán hàng hóa	163.992.600	-	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	19.162.415.771	-	20.198.243.738	-
Thành viên quản lý chủ chốt	Thù lao trả cho thành viên quản lý chủ chốt (*)	22.505.992.606	29.984.910.463	-	-

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có các khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam theo các điều khoản giao dịch thông thường.

- (*) Các thành viên trong Hội đồng Quản trị không nhận khoản thù lao nào cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và 2016.
- (**) Trong năm, Chủ tịch của MSI, VTF, MHD và MMB đã quyết định phân phối lợi nhuận với số tiền là 1.627.112 triệu VND (2016: MSI, VTF, MHD và MMB đã quyết định phân phối lợi nhuận với số tiền là 2.493.966 triệu VND) cho Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan (“MSF”). Cùng ngày, Chủ tịch của MSF đã quyết định phân phối lợi nhuận với số tiền là 1.633.743 triệu VND cho Công ty, trong đó 711.887 triệu VND được trả trực tiếp cho Công ty từ các công ty con (2016: phân phối lợi nhuận với số tiền là 2.504.892 triệu VND cho Công ty, trong đó 2.493.966 triệu VND được trả trực tiếp cho Công ty từ các công ty con).
- (***) Trong năm, Đại hội đồng Cổ đông của VCF và QNW đã quyết định chia cổ tức với số tiền tương ứng là 1.200.921 triệu VND và 6.305 triệu VND cho Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage (“MSB”). Vào ngày 29 tháng 12 năm 2017, Chủ tịch của MSB đã quyết định phân phối lợi nhuận với số tiền là 1.200.921 triệu VND cho Công ty.

Ngày 7 tháng 3 năm 2018


Người lập: 



Huỳnh Việt Thăng
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Phạm Đình Toại
Quyền Giám đốc Tài chính




Trương Công Thắng
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

001
: ANI
/ TNI
IG
: CH

